

Bản án số: 188/2023/DS-PT

Ngày: 22-02-2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Thịnh

Các Thẩm phán: 1. Ông Lại Huỳnh Tú
2. Ông Ưông Văn Tuấn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Long Sơn - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh:

Ông Tào Minh Quân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Vào ngày 22 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tiến hành xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 310/DSPT ngày 04/10/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 140/2022/DS-ST ngày 19 tháng 5 năm 2022 của Tòa án nhân dân Quận X1, Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 438/2023/QĐXX-PT, ngày 08/02/2023 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Đinh Văn T** - Sinh năm 1983.

Địa chỉ: Xóm 7, Thôn P, Xã C, Huyện D1, tỉnh B1.

Địa chỉ liên hệ: Tòa nhà G1, B2-19, Số 15 đường N1, phường C1, Quận X1, Thành phố H (Có mặt).

Bị đơn: Công ty trách nhiệm hữu hạn **M (Việt Nam)**.

Địa chỉ: Lầu 2, Tòa nhà M Plaza, 75 đường N2, phường C1, Quận X1, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Ông Trần Tuấn G - Sinh năm 1975.

Chức vụ: Trưởng phòng pháp lý (Vắng mặt)

2. Bà Hoàng Thị Hoa Th - Sinh năm 1977.

Chức vụ: Chuyên viên pháp lý (Vắng mặt).

3. Ông Nguyễn Đức A - Sinh năm 1989.

Chức vụ: Nhân viên phòng pháp lý (Có mặt)

4. Ông Nguyễn Hữu N - Sinh năm 1980.

Chức vụ: Nhân viên (Vắng mặt).

(Tất cả theo giấy ủy quyền lập ngày 29/3/2022 của Công ty TNHH M (Việt Nam).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố H.

Địa chỉ: 215 đường N3, Phường C2, Quận X2, Thành phố H

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Âu Thanh T1 - Sinh năm 1970.

(Theo Giấy ủy quyền số 3134/UQ-BVĐHYD ngày 11/11/2021 của Bệnh viện Đại học Y dược Thành phố H) (Có đơn xin vắng mặt).

2. Bảo hiểm xã hội Thành phố H.

Địa chỉ: 117C đường N4, C3, quận X3, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Bùi Thị Song H - Sinh năm 1975.

(Theo Giấy ủy quyền số 1386/GUQ-BHXXH ngày 24/3/2022 của Bảo hiểm xã hội Thành phố H) (Có đơn xin vắng mặt).

3. Bà Trần Thị Phi D - Sinh năm 1986.

Địa chỉ: Xóm 7, Thôn P, Xã C, Huyện D1, tỉnh B1 (Có đơn xin vắng mặt)

4. Công ty TNHH Đầu tư E.

Địa chỉ: Tòa nhà G1, B2-19, Số 15 đường N1, phường C1, Quận X1, Thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị L - Sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị Hồng M1 - Sinh năm 1993 (Theo Giấy ủy quyền lập ngày 12/11/2021 của Công ty TNHH Đầu tư E (Có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Đinh Văn T trình bày:

Ông có tham gia bảo hiểm và ký hợp đồng bảo hiểm với Công ty TNHH M (từ đây gọi tắt là Công ty) vào ngày 22/12/2019 theo hợp đồng bảo hiểm số: 2910849032 - với sản phẩm cơ bản: M hành trình hạnh phúc - ưu tiên tiết kiệm. Cụ thể: Người mua bảo hiểm là bà Trần Thị Phi D và người được bảo hiểm: Ông Đinh Văn T. Thời gian tham gia bảo hiểm là 15 năm, thanh toán định kỳ một năm đóng số tiền 15.128.000 đồng (phí bảo hiểm cơ bản) và đóng số tiền 4.654.000 đồng (phí bảo hiểm bổ trợ).

Đến ngày 06/5/2020, ông bệnh và nhập viện điều trị tại Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố H (gọi tắt là bệnh viện) từ ngày 06/5/2020 đến ngày 16/5/2020, với chuẩn đoán các bệnh như sau: Nhồi máu cầu não phải (I63); Hẹp động mạch nội sọ nhiều nơi theo dõi do xơ vữa (I66.9); Thông liên nhĩ thứ phát

đã bít dù (Q21.1); Thoát vị đĩa đệm tầng T12-L1 chèn ép tủy (M51.2); Theo dõi DVA bán cầu tiểu não phải (I86.8); Tăng huyết áp người trẻ theo dõi u tủy thượng thận (I10). Bệnh viện tiến hành mổ vá tim cho ông do bị lủng, dẫn đến thiếu máu lên não, nguy cơ tái phát lại. Ngày 16/05 ông xuất viện.

Ngày 22/5/2020 ông làm thủ tục hồ sơ và nộp trực tiếp cho văn phòng Công ty để được nhận tiền bảo hiểm theo hợp đồng số: 2910849032.

Đến ngày 07/6/2020, ông T nhận được văn bản Công ty gửi yêu cầu bổ sung một số chứng từ, để Công ty có cơ sở giải quyết quyền lợi bảo hiểm. Cụ thể: Chứng từ y tế điều trị bệnh thông liên nhĩ đã bít dù (chứng từ phẫu thuật, giấy ra viện, sổ khám bệnh, toa thuốc, ...); kết quả khám sức khỏe định kỳ; Giấy ủy quyền có chứng thực của Ủy ban nhân dân địa phương. Ông T đã hoàn tất bổ sung và gửi Công ty vào ngày 16/6/2020. Sau khi nhận hồ sơ, Công ty đã nhiều lần hứa hẹn, trì hoãn (So với hợp đồng thì việc giải quyết quyền lợi bảo hiểm là chậm nhất 30 ngày). Và đến ngày 13/8/2020 thì ông T nhận được 01 văn bản từ Công ty với kết quả: đình chỉ thực hiện Hợp đồng bảo hiểm và từ chối giải quyết quyền lợi bảo hiểm bệnh lý nghiêm trọng đối với đơn yêu cầu của ông. Với lý do căn cứ vào tờ thông tin xuất viện đợt điều trị ngày 06/5/2020 tại bệnh viện chẩn đoán ông T có tiền sử bệnh "...III.Tiền sử bệnh: Tăng huyết áp không điều trị (HA thường 130-140/? mmHg) trong vòng 2 năm nay...".

Theo ông, tờ thông tin xuất viện đợt điều trị ngày 06/5/2020 của bệnh viện chỉ là chẩn đoán bệnh, không phải là kết luận khẳng định ông có bệnh tăng huyết áp trước khi ký hợp đồng số: 2910849032. Công ty không thể lấy thông tin xuất viện làm chứng cứ để từ chối giải quyết bồi thường hợp đồng. Vì tại thời điểm ký hợp đồng bảo hiểm ngày 12/12/2019 (có hiệu lực 22/12/2019), tình trạng sức khỏe của ông T khỏe mạnh bình thường, không có biểu hiện gì bất thường về bệnh tăng huyết áp; trong vòng 2 năm trước ngày nhập viện ông không có bệnh lý gì liên quan đến huyết áp. Ông T thường xuyên làm việc công trình trên nhà cao tầng độ cao khoảng 20 - 30 tầng, bản thân ông không đi khám và chữa bệnh huyết áp từ trước đến nay. Việc Công ty không giải quyết quyền lợi bảo hiểm và đình chỉ thực hiện hợp đồng bảo hiểm số 2910849032 của ông là không đúng. Do đó ông T khởi kiện yêu cầu Công ty phải bồi thường bảo hiểm cho ông theo hợp đồng - cụ thể:

1. Bảo hiểm bệnh lý nghiêm trọng: đóng phí ngắn hạn với số tiền bảo hiểm là 100.000.000 (một trăm triệu đồng) theo khoản 2.2 điều khoản sản phẩm bảo hiểm bồi trợ bảo hiểm bệnh lý nghiêm trọng - đóng phí ngắn hạn theo phê chuẩn theo công văn 12030/BTC-QLBH ngày 29/08/2016 của Bộ Tài Chính.

2. Hỗ trợ đóng phí do bệnh lý nghiêm trọng của người được bảo hiểm 15 năm, cụ thể: 15.128.000 đồng x 15 năm = 226.920.000 đồng.

Tổng cộng số tiền Công ty phải bồi thường và hỗ trợ cho ông là 326.920.000 đồng. Ông T không yêu cầu trưng cầu giám định hồ sơ khám chữa bệnh tại bệnh viện và không yêu cầu đưa thêm người nào tham gia tố tụng trong vụ kiện của ông.

Bị đơn Công Ty trách nhiệm hữu hạn M (Việt Nam) - bà Hoàng Thị Hoa Th đại diện, trình bày:

Ngày 22/12/2019 Công ty có ký hợp đồng bảo hiểm số: 2910849032 với sản phẩm chính (sản phẩm cơ bản): M hành trình hạnh phúc - ưu tiên tiết kiệm và sản phẩm bổ trợ. Cụ thể: Người mua bảo hiểm là bà Trần Thị Phi D và người được bảo hiểm là ông Đinh Văn T. Thời gian tham gia bảo hiểm là 15 năm, thanh toán định kỳ một năm đóng số tiền 15.128.000 đồng (phí bảo hiểm cơ bản) và đóng số tiền 4.654.000 đồng (phí bảo hiểm bổ trợ).

Theo Giấy ra viện CỦA ÔNG T mục: "...III.Tiền sử bệnh: Tăng huyết áp không điều trị (HA thường 130-140/? mmHg) Trong vòng 2 năm nay, người bệnh có nhiều cơn nói đờ, yếu tay chân...". Và tại thời điểm tham gia Hợp đồng bảo hiểm, người tham gia phải khai báo về tiền sử bệnh. Ông Đinh Văn T đã không khai báo về tiền sử bệnh tăng huyết áp. Bệnh lý của ông T đã có từ trước khi tham gia bảo hiểm, những thông tin này không được ông T kê khai trên thông tin đăng ký tham gia Hợp đồng bảo hiểm theo quy định về điều khoản điều kiện của Hợp đồng bảo hiểm; ông T mới tham gia được 05 tháng thì bị bệnh, nhưng theo thông tin của bệnh viện ông đã có bệnh trong vòng 2 năm nay. Do đó Công ty không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với 02 yêu cầu bồi thường trên.

Ngoài ra Hợp đồng bảo hiểm số: 2910849032 thì người mua là bà Trần Thị Phi D và người được thụ hưởng là bé Đinh Trí D1, nên ông T không có quyền khởi kiện, người khởi kiện phải là bà Trần Thị Phi D. Do ông T không trung thực khi ký hợp đồng theo quy định tại các điều khoản mà Luật kinh doanh bảo hiểm quy định, nên Công ty đã đình chỉ hợp đồng bảo hiểm số với người mua bảo hiểm: Bà Trần Thị Phi D; Công ty đã chuyển trả toàn bộ số tiền mà người mua bảo hiểm đã đóng là bà Trần Thị Phi D.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bảo hiểm xã hội Thành phố H do bà Bùi Thị Song H trình bày:

Theo dữ liệu khám chữa bệnh Bảo hiểm y tế trên hệ thống giám định, Bảo hiểm xã hội Thành phố Hồ Chí Minh, không thấy phát sinh chi phí khám chữa bệnh bảo hiểm y tế từ năm 2015 đến năm 2019 của ông T, mã thẻ BHYT số DN4795221613732. Trong năm 2020, ông T có 07 lần khám chữa bệnh bảo hiểm y tế tại bệnh viện.

Đối với yêu cầu khởi kiện của ông T, đề nghị Tòa án nhân dân Quận X1, giải quyết theo quy định pháp luật; về số tiền phí bảo hiểm mà nguyên đơn đã đóng tổng cộng là 16.748.000 đồng, Bảo hiểm không có ý kiến gì.

2. Bệnh viện *Đại học Y Dược Thành phố H* - có ông *Âu Thanh T1* đại diện trình bày:

Tờ “Thông tin xuất viện” của ông T ngày 16/5/2020 có nội dung: “...III.Tiền sử bệnh: Tăng huyết áp không điều trị (HA thường 130-140/? mmHg) Trong vòng 2 năm nay, người bệnh có nhiều cơn nói đờ, yếu tay chân, phục hồi trong 1 ngày”, là do bệnh nhân tự khai với bác sĩ lúc khám. Nội dung này có nghĩa là “Tăng huyết áp không điều trị (HA thường 130-140/? mmHg). Trong vòng 2 năm nay, người bệnh có nhiều cơn nói đờ, yếu tay chân, phục hồi trong 1 ngày”. Bệnh viện khẳng định không phải là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án này, vụ án này là tranh chấp giữa ông T với Công ty bảo hiểm, phía bệnh viện chỉ đồng ý tham gia với tư cách là người làm chứng, để làm rõ nội dung các tài liệu, chứng cứ mà Tòa án yêu cầu. Ông T1 đề nghị Tòa án căn cứ vào công văn 722/BVĐHYD ngày 20/04/2022 của bệnh viện cùng toàn bộ hồ sơ bệnh án ông T1 cung cấp tại phiên tòa. Ông T1 có ý kiến và giải thích rõ thêm về tăng huyết áp không điều trị và “Thông tin xuất viện” của ông T ngày 16/5/2020 có nội dung: “...III.Tiền sử bệnh: Tăng huyết áp không điều trị (HA thường 130-140/? mmHg) Trong vòng 2 năm nay...” - Với tình trạng bệnh của ông T là nặng, hiện di chứng vẫn còn, tại phiên tòa ông T cũng chưa hết bệnh hoàn toàn, các di chứng bệnh vẫn còn; với tư cách là một bác sĩ, ông T1 đề nghị Tòa án xem xét bảo vệ quyền lợi của bệnh nhân như ông T.

3. Công ty *TNHH Đầu tư E* - có bà *Nguyễn Thị L* trình bày tại bản tự khai:

Ông T vào làm việc tại Công ty từ ngày 01/07/2019 đến 30/6/2021, chức vụ Chỉ huy trưởng (theo hợp đồng nộp kèm);

Từ ngày 01/7/2021 đến ngày 17/01/2022, chức vụ chuyên viên bậc 3 (có kèm hợp đồng). Trong thời gian làm việc ông T không thể hiện bệnh nền gì, sức khỏe tốt. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

4. Bà *Trần Thị Phi D* trình bày:

Trong thời gian chung sống với ông T, bà không thấy ông T có biểu hiện và triệu chứng bệnh cao huyết áp, không có uống thuốc bệnh cao huyết áp. Đến ngày 05/5/2020 ông T có biểu hiện bệnh và nhập viện điều trị tại bệnh viện. Sau khi điều trị khỏi bệnh, xuất viện về ông T có làm hồ sơ hưởng bảo hiểm gửi Công ty để giải quyết bảo hiểm theo quy định nhưng phía Công ty không giải quyết và trì hoãn trong thời gian dài, sau đó Công ty hoàn trả tiền bảo hiểm lại cho bà. Bà và ông T thống nhất gửi đơn khởi kiện Công ty. Bà D thống nhất với

yêu cầu khởi kiện của ông T, đề nghị Tòa án xem xét bảo vệ quyền lợi của ông T và bà.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 140/2022/DSST ngày 19/5/2022, Tòa án nhân dân Quận X1, Thành phố H đã căn cứ: - Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 92; Điều 147; Khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 351, Điều 405 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 1, Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014

- Căn cứ Điều 21, Điều 29 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 được sửa đổi bổ sung năm 2010; 2019

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 được sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Luật phí và lệ phí Tòa án số 97/2015/QH13 năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

- Căn cứ Án lệ số 22/2018/AL ngày 17/10/2018. Được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2018 và được công bố theo Quyết định số 269/QĐ-CA ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

Xử:

[1]. Về hình thức: Xét xử vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội Thành phố H, Bệnh viện Đại học Y Dược Thành phố H, bà Trần Thị Phi D, sinh năm 1986, Công ty TNHH Đầu tư E (có bà Nguyễn Thị L, bà Nguyễn Thị Hồng M1 đại diện)

[2]. Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Đinh Văn T: Buộc Công ty TNHH M (Việt Nam) phải chịu trách nhiệm chi trả cho nguyên đơn ông Đinh Văn T số tiền của Hợp đồng bảo hiểm số 2910849032 tổng cộng là 326.920.000 đồng (Ba trăm hai mươi sáu triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng). Trả ngay một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày nguyên đơn ông Đinh Văn T có đơn yêu cầu thi hành án nếu bị đơn Công ty TNHH M (Việt nam) không trả đủ số tiền như trên, thì hàng tháng bị đơn Công ty TNHH M (Việt Nam) còn phải trả cho nguyên đơn ông Đinh Văn T một khoản tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố tương ứng với số tiền, thời gian chưa thi hành án.

[3]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Công ty TNHH Bảo hiểm M (Việt Nam) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.326.000 đồng.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn ông Đinh Văn T đã nộp là 8.173.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2019/0042201 ngày 11/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X1, Thành phố H.

[4]. Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo bản án sơ thẩm của các bên theo luật định.

Sau khi xử sơ thẩm: Ngày 02/6/2022, Tòa án nhân dân Quận X1, Thành phố H nhận được đơn kháng cáo của Công ty TNHH M (Việt Nam), kháng cáo yêu cầu hủy bản án sơ thẩm do đã không đánh giá toàn diện, khách quan chứng cứ; áp dụng không đúng quy định pháp luật ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty TNHH M (Việt Nam).

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn Công ty TNHH M (Việt Nam) do ông Nguyễn Đức A đại diện theo ủy quyền trình bày xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo cho rằng: Chỉ có bà Trần Thị Phi D người ký hợp đồng mua bảo hiểm và trẻ Đinh Trí D1 là người thụ hưởng mới có quyền khởi kiện theo các điều bảo hiểm tại hợp đồng. Công ty M (Việt Nam) đã có văn bản thông báo đình chỉ Hợp đồng bảo hiểm và trả tiền đóng bảo hiểm cho bà D. Ngoài ra, theo “Giấy ra viện” ghi tại mục “... III. Tiền sử bệnh: tăng huyết áp không điều trị(HA thường 130-140/?mmHG) trong vòng 02 năm nay, người bệnh có nhiều cơn nói đớ, yếu tay chân ...”. Trong khi tham gia hợp đồng bảo hiểm phía nguyên đơn đã không khai báo; tham gia chỉ 05 tháng thì phát bệnh. Do đó M (Việt Nam) đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ án sơ thẩm.

Nguyên đơn ông Đinh Văn T xác nhận không có kháng cáo. Nhưng nếu Công ty M (Việt Nam) đồng ý thỏa thuận thì ông T đồng ý chỉ nhận 250.000.000 đồng so với số tiền 326.920.000 đồng mà bản án sơ thẩm tuyên buộc Công ty M (Việt Nam) phải chi trả cho ông T để kết thúc tranh chấp - Nếu như không thỏa thuận được ông T đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên các quyết định bản án sơ thẩm đã tuyên không đồng ý với ý kiến thỏa thuận hòa giải và lý do kháng cáo của đại diện bị đơn đã nêu tại phiên tòa. Ông T yêu cầu được giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các bên đương sự không có bổ sung tài liệu, chứng cứ mới tại phiên tòa; bị đơn Công ty M (Việt Nam) không đồng ý thỏa thuận với nguyên đơn ông Đinh Văn T về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật theo tố tụng tại cấp phúc thẩm: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ, đúng trình tự quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về giai đoạn phúc thẩm.

Về nội dung: Sau khi phân tích (như bài phát biểu kèm hồ sơ vụ án), đã đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015

tuyên không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH M (Việt Nam), giữ nguyên các quyết định bản án dân sự sơ thẩm số 140/2022/DS-ST, ngày 19/5/2022 của Tòa án nhân dân Quận X1, Thành phố H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả thẩm vấn, tranh luận, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Xét “Đơn kháng cáo” của bị đơn Công ty M (Việt Nam) là trong thời hạn luật định và thủ tục kháng cáo đã thực hiện đúng theo quy định nên được chấp nhận xem xét về nội dung, yêu cầu kháng cáo.

[1.2] Bị đơn Công ty M (Việt Nam) ủy quyền cho 04 ông bà gồm: Ông Trần Tuấn G, ông Nguyễn Hữu N, bà Hoàng Thị Hoa Th và ông Nguyễn Đức A tham gia tố tụng đã nhận được triệu tập hợp lệ của Tòa án, ông Nguyễn Đức A có mặt và đồng ý sự vắng mặt của ông G, ông N và bà Th; Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã có lời khai, đã được Tòa án triệu tập nhưng vắng mặt - Và không có ý kiến hay đề nghị hoãn phiên tòa. Do đó căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án.

[2] Xét chứng cứ tại hồ sơ vụ án thể hiện:

[2.1] Nguyên đơn ông Đinh Văn T khởi kiện bị đơn Công ty TNHH M (Việt Nam) (sau đây sẽ gọi tắt là Công ty M (Việt Nam) tranh chấp về yêu cầu bồi thường theo Hợp đồng bảo hiểm số 2910849032 Do Công ty M (Việt Nam) cấp Giấy chứng nhận ngày 22/12/2019 với nội dung: Quyền lợi bảo hiểm chính M - Hành trình hạnh phúc - Ưu tiên tiết kiệm quyền lợi cơ bản - cho người được bảo hiểm là ông Đinh Văn T. Thời hạn hợp đồng 63 năm, số tiền bảo hiểm 620.000.000 đồng, phí bảo hiểm cơ bản 15.128.000 đồng; Quyền lợi bảo hiểm hỗ trợ - bảo hiểm Bệnh lý nghiêm trọng - đóng phí ngắn hạn, người được bảo hiểm là ông Đinh Văn T, thời hạn hợp đồng 34 năm, số tiền bảo hiểm 100.000.000 đồng; Phí bảo hiểm hỗ trợ 2.376.000 đồng. Bảo hiểm Bệnh lý nghiêm trọng - đóng phí ngắn hạn, người được bảo hiểm là bà Trần Thị Phi D, thời hạn hợp đồng 37 năm, số tiền bảo hiểm 100.000.000 đồng, phí đóng bảo hiểm của ông Đinh Văn T là 2.376.000 đồng và phí đóng của bà Trần Thị Phi D là 1.781.000 đồng; Hỗ trợ đóng phí do bệnh lý nghiêm trọng của người được bảo hiểm - 15 năm, người được bảo hiểm là ông Đinh Văn T 100.000.000 đồng, phí bảo hiểm hỗ trợ là 497.000 đồng. Ngày 22/12/2019 bà D đã có đóng số tiền phí bảo hiểm là 19.782.000 đồng - Các bên đều thừa nhận các nội dung nêu trên.

Xét tại đơn yêu cầu bảo hiểm và Hợp đồng bảo hiểm số 2910849032 ký kết có ghi người thụ hưởng là trẻ Đình Trí D1 sinh năm 2016 được nhận quyền lợi bảo hiểm, khi người mua bảo hiểm, người được bảo hiểm chết (tử vong). Do nguyên đơn ông T còn sống nên trẻ D1 không phải là người nhận quyền lợi được bảo hiểm và không thể là nguyên đơn trong vụ việc. Và theo hợp đồng này, người mua bảo hiểm là bà Trần Thị Phi D, cho người được bảo hiểm là ông T. Như vậy ông T bị ảnh hưởng đến quyền lợi từ việc bị bệnh phải điều trị, dẫn đến việc bị Công ty cho thôi việc, do đó ông T khởi kiện yêu cầu được bảo vệ quyền lợi của mình theo hợp đồng bảo hiểm là phù hợp, đúng căn cứ. Mặt khác căn cứ “Giấy đăng ký kết hôn số 110/2015 - Quyền số 01/2015 do Ủy ban nhân dân Xã C, Huyện D1, tỉnh B1 cấp ngày 06/10/2015 (BL197) thể hiện thì ông T người được bảo hiểm và bà D người mua bảo hiểm là quan hệ vợ chồng, nên quyền lợi bảo hiểm mà bà D hay ông T nhận được sẽ là thu nhập, tài sản chung của vợ chồng. Do đó Công ty TNHH M (Việt Nam) cho rằng ông T không có quyền khởi kiện và yêu cầu đình chỉ vụ án là không phù hợp và đúng căn cứ theo quy định pháp luật.

[2.2] Xét “Đơn yêu cầu bảo hiểm” ngày 12/12/2019 của ông Đình Văn T và bà Trần Thị Phi D - phản thông tin sức khỏe của người được bảo hiểm/bên mua bảo hiểm, thể hiện: từ câu hỏi 32 đến câu hỏi 42 thì việc hướng dẫn người mua phải đánh dấu vào ô lựa chọn không được rõ ràng như tại hướng dẫn từ câu hỏi 43 đến câu hỏi 46. Và tại cuối các trang 1, 2 và 3 “Đơn yêu cầu bảo hiểm nhân thọ” này không có chữ ký xác nhận của ông T nguyên đơn; các trang tại đơn cũng không có dấu giáp lai. Như vậy việc đánh dấu vào các ô tại câu hỏi 32 không thể dùng làm căn cứ duy nhất xác nhận về thông tin để giải quyết khi các bên xảy ra tranh chấp.

[2.3] Công văn số 722/BVĐHYD ngày 20/4/2022 của Bệnh viện Đại học y dược Thành phố H phúc đáp cho Tòa án (BL335-337) có nội dung: “Không có bất kỳ thông tin nào trong hồ sơ bệnh án thể hiện người bệnh có tiền sử: tăng huyết áp không điều trị (HA thường 130-140/?mmHG) trong vòng 02 năm nay, người bệnh có nhiều cơn nói đờ, yếu tay chân ...” và Mục “Quá trình bệnh lý” và “tiền sử bệnh” thuộc Mục II. A: Hỏi bệnh - Tại mục này bác sỹ chỉ đưa ra một số gợi ý khi khai thác quá trình mắc và diễn biến của bệnh ... làm căn cứ xây dựng phác đồ điều trị cho người bệnh.

[2.4] Tại văn bản số 396/BHXXH-GĐ1, ngày 26/5/2021 của Bảo Hiểm xã hội Thành phố H gửi cung cấp thông tin khám chữa bệnh của ông Đình Văn T cho Tòa án nhân dân Quận X1 có nội dung: “Theo dữ liệu khám chữa bệnh bảo hiểm y tế trên hệ thống giám định, BHXH Thành phố không thấy phát sinh chi phí khám chữa bệnh BHYT từ năm 2015 đến năm 2019 của ông Đình Văn T...

Trong năm 2020 ông T có 07 lần khám chữa bệnh BHYT tại Bệnh viện Đại học y dược Thành phố H” (BL 491).

[2.5] “Bản tự khai” ngày 01/4/2022 của bà Phạm Thị Quỳnh Q - nhân viên đại lý bảo hiểm M (Việt Nam) là người trực tiếp tư vấn cho bà D, ông T ký hợp đồng mua bảo hiểm có nội dung: “Vào thời gian thực hiện hồ sơ và hợp đồng bảo hiểm tôi nhận thấy ông Đinh Văn T hoàn toàn bình thường và đủ sức khỏe để tham gia bảo hiểm nhân thọ” (BL 537).

[2.6] Tại “Đơn đề nghị xét xử vắng mặt” của bà Nguyễn Thị L là đại diện theo ủy quyền của Công ty TNHH Đầu tư E nơi ông T làm việc trước lúc bệnh xác nhận có nội dung: “Ông Đinh Văn T vào làm việc tại Công ty từ ngày 01/7/2019 đến ngày 30/6/2021 với chức vụ chỉ huy trưởng; từ ngày 01/7/2021 đến ngày 17/01/2022 chức vụ chuyên viên bậc 3... Trong thời gian làm việc ông T không thể hiện có bệnh nền gì, sức khỏe tốt” (BL 526).

Như vậy, với những căn cứ viện dẫn và phân tích trên, xét bị đơn Công ty M (Việt Nam) chỉ căn cứ vào mỗi “Thông tin xuất viện” của bệnh viện với ông T ngày 16/5/2020 tại nội dung: “...III.Tiền sử bệnh: Tăng huyết áp không điều trị (HÀ thường 130-140/? mmHg) Trong vòng 2 năm nay“ từ đó cho rằng ông T đã không khai báo trung thực về bệnh tăng huyết áp khi ký Hợp đồng bảo hiểm số 2910849032 và từ chối chi trả bảo hiểm cho ông T theo hợp đồng đã ký là không đúng căn cứ và phù hợp. Tại cấp sơ thẩm đại diện Bệnh viện Đại học Y Dược cũng có ý kiến xác định bệnh của ông T là nặng, di chứng vẫn còn và đề nghị Tòa án bảo vệ quyền lợi của bệnh nhân như ông T.

[3] Từ những nhận định và phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét không có căn cứ để chấp nhận các yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH M (Việt Nam). Cần giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm như ý kiến phân tích và phát biểu đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố H tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp.

Bị đơn Công ty TNHH M (Việt Nam) phải chịu án phí dân sự phúc thẩm do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận; nhưng được cản trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên;

Căn cứ khoản 1 Điều 308; Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ Điều 21, Điều 29 Luật kinh doanh bảo hiểm năm 2000 được sửa đổi bổ sung năm 2010; 2019

- Căn cứ Án lệ số 22/2018/AL ngày 17/10/2018. Được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2018 và được công bố theo Quyết định số 269/QĐ-CA ngày 06 tháng 11 năm 2018 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

QUYẾT ĐỊNH:

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn Công ty TNHH M (Việt Nam).

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 140/2022/DS-ST ngày 19/5/2022 của Tòa án nhân dân Quận X1, Thành phố H;

Tuyên xử:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm g khoản 1 Điều 40; khoản 1 Điều 147; Điều 229; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 117; Điều 357; Điều 401; Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015. Điểm c khoản 1 Điều 113; Điều 144 Luật Xây dựng 2014. Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Luật Thi hành án dân sự;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đinh Văn T:

Buộc Công ty TNHH M (Việt Nam) trả cho ông Đinh Văn T số tiền của Hợp đồng bảo hiểm số 2910849032 tổng cộng số tiền 326.920.000 đồng (Ba trăm hai mươi sáu triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Bị đơn Công ty TNHH M (Việt Nam) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 16.326.000 đồng.

- Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn ông Đinh Văn T đã nộp là 8.173.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2019/0042201 ngày 11/01/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận X1, Thành phố H.

- Án phí dân sự phúc thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bị đơn Công ty TNHH M (Việt Nam) phải chịu, nhưng được cân trừ vào số tiền tạm ứng án phí do ông Nguyễn Đức A ký nộp thay theo “Biên lai thu, tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số AA/2021/0014457 ngày 13/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự Quận X1, Thành phố H.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao;
- TAND Cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND Cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND TP. HCM;
- Chi cục THADS Quận 7;
- TAND Quận 7;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu (20).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Bá Thịnh

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN**

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bá Thịnh